

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CĐ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THEO DÕI TIỀN SINH VIÊN NỢ HỌC PHÍ CAO ĐẲNG KHÓA 24

Tính đến hết ngày 01/10/2025

STT	Mã số	Lớp học	Họ và tên		Số tiền học phí đăng ký học phần kỳ này	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền học phí nợ còn Phải nộp	Ghi chú
STT	CD24CM1				70,290,000	5,940,000	64,350,000	
1	506240154	CD24CM1	Phan Trung	Du	8,415,000		8,415,000	
2	506240056	CD24CM1	Tạ Văn	Hưng	8,415,000		8,415,000	
3	506240191	CD24CM1	Nguyễn Tuấn	Kiệt	9,900,000		9,900,000	
4	506240051	CD24CM1	Lê Quang	Luật	8,415,000	2,970,000	5,445,000	
5	506240378	CD24CM1	Mai Cao	Phát	8,415,000	2,970,000	5,445,000	
6	506240417	CD24CM1	Nguyễn Phạm Đăng	Phi	8,415,000		8,415,000	
7	506240141	CD24CM1	Huỳnh Tấn	Tài	9,900,000		9,900,000	
8	506240277	CD24CM1	Võ Đức Quốc	Thắng	8,415,000		8,415,000	
STT	CD24CT_CLC				133,760,000		133,760,000	
9	501240322	CD24CT_CLC	Đỗ Hoàng Minh	Châu	12,160,000		12,160,000	
10	501240240	CD24CT_CLC	Nguyễn Hữu	Đạt	12,160,000		12,160,000	
11	501240101	CD24CT_CLC	Nguyễn Minh	Đức	12,160,000		12,160,000	
12	501240255	CD24CT_CLC	Trần Huỳnh Bảo	Duy	12,160,000		12,160,000	
13	501240275	CD24CT_CLC	Nguyễn Huy	Hoàng	12,160,000		12,160,000	
14	501240237	CD24CT_CLC	Ngô Gia	Huy	12,160,000		12,160,000	
15	501240371	CD24CT_CLC	Phạm Quốc	Huy	12,160,000		12,160,000	
16	501240267	CD24CT_CLC	Lê Tuấn	Khang	12,160,000		12,160,000	
17	501240329	CD24CT_CLC	Trịnh Anh	Khiêm	12,160,000		12,160,000	
18	501240339	CD24CT_CLC	Đỗ Nguyễn Thành	Lộc	12,160,000		12,160,000	
19	501240183	CD24CT_CLC	Nguyễn Ngọc	Thành	12,160,000		12,160,000	
STT	CD24CT1				27,225,000	1,980,000	25,245,000	
20	501240041	CD24CT1	Lê Minh	Đức	5,445,000	1,980,000	3,465,000	
21	501240001	CD24CT1	Nguyễn Ngọc	Dũng	6,435,000		6,435,000	
22	501240013	CD24CT1	Trần Trương Đăng	Khoa	8,910,000		8,910,000	
23	501240007	CD24CT1	Nguyễn Đức	Lập	4,455,000		4,455,000	
24	501240028	CD24CT1	Trương Minh	Tiến	1,980,000		1,980,000	
STT	CD24CT11				72,270,000		72,270,000	
25	501240380	CD24CT11 •	Nguyễn Trần Phúc	An	7,920,000		7,920,000	
26	501240026	CD24CT11	Nguyễn Văn	Đạt	7,920,000		7,920,000	
27	501240210	CD24CT11	Nguyễn Ngọc	Huy	7,920,000		7,920,000	

STT	Mã số	Lớp học	Họ và tên		Số tiền học phí đăng ký học phần kỳ này	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền học phí nợ còn Phải nộp	Ghi chú
28	501240249	CD24CT11	Lê Quốc	Khánh	5,940,000		5,940,000	
29	501240074	CD24CT11	Lê Gia	Kiệt	9,405,000		9,405,000	
30	501240331	CD24CT11	Phạm Vinh	Quang	7,920,000		7,920,000	
31	501240044	CD24CT11	Hoàng Diên Tấn	Tài	7,920,000		7,920,000	
32	501240241	CD24CT11	Trương Nguyễn Đức	Thịnh	9,405,000		9,405,000	
33	501240274	CD24CT11	Trương Ngọc	Trường	7,920,000		7,920,000	
STT	CD24CT2				81,675,000	5,940,000	75,735,000	
34	501240209	CD24CT2	Trần Gia	Bảo	9,405,000		9,405,000	
35	501240148	CD24CT2	Phạm Tiến	Đạt	7,425,000		7,425,000	
36	501240233	CD24CT2	Trần Quốc	Huy	7,425,000		7,425,000	
37	501240119	CD24CT2	Hà Duy	Khánh	7,425,000		7,425,000	
38	501240200	CD24CT2	Đỗ Thành	Nhơn	7,920,000		7,920,000	
39	501240194	CD24CT2	Hà Thiện	Phú	8,910,000		8,910,000	
40	501240229	CD24CT2	Lâm Đăng	Quang	4,950,000		4,950,000	
41	501240248	CD24CT2	Nguyễn Hoàng	Thông	9,405,000	1,485,000	7,920,000	
42	501240125	CD24CT2	Nguyễn Hoàng	Việt	10,890,000		10,890,000	
43	501240254	CD24CT2	Trần Khánh	Vy	7,920,000	4,455,000	3,465,000	
STT	CD24CT3				72,765,000	1,980,000	70,785,000	
44	501240186	CD24CT3	Trần Thành	Đạt	7,920,000		7,920,000	
45	501240252	CD24CT3	Võ Tuấn	Đạt	4,950,000		4,950,000	
46	501240071	CD24CT3	Nguyễn Tấn	Hưng	9,405,000		9,405,000	
47	501240232	CD24CT3	Nguyễn Tấn Tường	Huy	5,445,000		5,445,000	
48	501240064	CD24CT3	Nguyễn Chấn	Khang	9,405,000		9,405,000	
49	501240160	CD24CT3	Nguyễn Đăng	Khôi	9,405,000	1,980,000	7,425,000	
50	501240129	CD24CT3	Lê Nguyễn Bảo	Long	8,910,000		8,910,000	
51	501240177	CD24CT3	Nguyễn Hoài	Nam	9,405,000		9,405,000	
52	501240140	CD24CT3	Đinh Văn	Truyền	7,920,000		7,920,000	
STT	CD24CT4				82,665,000	2,475,000	80,190,000	
53	501240027	CD24CT4	Lê Quang	An	6,930,000		6,930,000	
54	501240364	CD24CT4	Nguyễn Ngọc Anh	Bằng	6,930,000		6,930,000	
55	501240361	CD24CT4	Nguyễn Chí	Bảo	6,435,000		6,435,000	
56	501240404	CD24CT4	Trần Như	Đạt	3,960,000		3,960,000	
57	501240394	CD24CT4	Nguyễn Gia	Hưng	5,940,000		5,940,000	
58	501240408	CD24CT4	Đinh Quốc	Huy	4,455,000		4,455,000	
59	501240341	CD24CT4	Lê Minh	Khôi	4,950,000	2,475,000	2,475,000	
60	501240330	CD24CT4	Nguyễn Tuấn	Kiệt	7,920,000		7,920,000	
61	501240319	CD24CT4	Lương Minh	Nhật	6,435,000		6,435,000	
62	501240084	CD24CT4	Lương Yến	Nhi	7,425,000		7,425,000	

STT	Mã số	Lớp học	Họ và tên		Số tiền học phí đăng ký học phần kỳ này	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền học phí nợ còn Phải nộp	Ghi chú
63	501240093	CD24CT4	Bùi Thành	Tài	7,425,000		7,425,000	
64	501240299	CD24CT4	Phạm Văn	Thịnh	5,940,000		5,940,000	
65	501240265	CD24CT4	Nguyễn Quốc	Việt	7,920,000		7,920,000	
STT	CD24CT7				24,750,000		24,750,000	
55	501240433	CD24CT7	Đinh Khải	Khoa	6,435,000		6,435,000	
56	501240434	CD24CT7	Nguyễn Anh	Khoa	5,445,000		5,445,000	
57	501240437	CD24CT7	Đỗ Thị Thanh	Kiều	4,455,000		4,455,000	
58	501240449	CD24CT7	Nguyễn Quốc	Thái	8,415,000		8,415,000	
STT	CD24DH1				91,575,000	990,000	90,585,000	
59	510240347	CD24DH1	Nguyễn Quốc	Anh	7,920,000		7,920,000	
60	510240005	CD24DH1	Ngô Thị Ngân	Hà	5,940,000		5,940,000	
61	510240334	CD24DH1	Trần Nguyễn Minh	Huy	5,940,000		5,940,000	
62	510240439	CD24DH1	Nguyễn Văn Anh	Khoa	6,930,000	990,000	5,940,000	
63	510240324	CD24DH1	Võ Huỳnh Giáng	My	6,930,000		6,930,000	
64	510240318	CD24DH1	Đổng Hoàng Trung	Nghĩa	6,930,000		6,930,000	
65	510240359	CD24DH1	Cao Khải	Nguyên	7,425,000		7,425,000	
66	510240428	CD24DH1	Huỳnh Thị Quý	Nhi	6,930,000		6,930,000	
67	510240384	CD24DH1	Trần Thuý	Quyên	6,930,000		6,930,000	
68	510240354	CD24DH1	Hoàng Gia Thái	Tài	7,425,000		7,425,000	
69	501240301	CD24DH1	Nguyễn Trương	Thiện	6,930,000		6,930,000	
70	510240409	CD24DH1	Mai Yến	Trâm	6,930,000		6,930,000	
71	510240349	CD24DH1	Lê Quang	Trọng	8,415,000		8,415,000	
STT	CD24DH2				147,510,000		147,510,000	
72	510240153	CD24DH2	Trần Ngọc	Anh	8,415,000		8,415,000	
73	510240227	CD24DH2	Bùi Hữu	Danh	6,930,000		6,930,000	
74	510240221	CD24DH2	Đặng Hữu	Dương	5,445,000		5,445,000	
75	510240278	CD24DH2	Huỳnh Nguyễn Bảo	Duyên	6,930,000		6,930,000	
76	510240175	CD24DH2	Trần Cao Kỳ	Duyên	8,415,000		8,415,000	
77	510240205	CD24DH2	Nguyễn Ngô Gia	Huy	5,445,000		5,445,000	
78	510240211	CD24DH2	Bùi Ngọc	Lâm	6,930,000		6,930,000	
79	510240225	CD24DH2	Trần Thị Phương	Linh	8,415,000		8,415,000	
80	510240201	CD24DH2	Đỗ Thành	Nghĩa	7,425,000		7,425,000	
81	510240281	CD24DH2	Vương Mẫn	Nhi	6,930,000		6,930,000	
82	510240250	CD24DH2	Lâm Hồng	Nhật	8,415,000		8,415,000	
83	510240024	CD24DH2	Phạm Võ Ngọc	Quế	7,920,000		7,920,000	
84	510240197	CD24DH2	Trương Phạm Ngọc	Quyên	7,425,000		7,425,000	
85	510240192	CD24DH2	Ngô Viết Đại	Tài	7,920,000		7,920,000	
86	510240337	CD24DH2	Trương Tiến	Tân	5,445,000		5,445,000	
87	510240272	CD24DH2	Võ Lê Minh	Tiến	8,415,000		8,415,000	
88	510240040	CD24DH2	Đặng Quốc	Trung	5,445,000		5,445,000	
89	510240050	CD24DH2	Phan Anh	Tuấn	3,960,000		3,960,000	

STT	Mã số	Lớp học	Họ và tên		Số tiền học phí đăng ký học phần kỳ này	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền học phí nợ còn Phải nộp	Ghi chú
90	510240285	CD24DH2	Nguyễn Lưu Mỹ	Uyên	6,930,000		6,930,000	
91	510240025	CD24DH2	Huỳnh Tiến	Văn	5,940,000		5,940,000	
92	510240228	CD24DH2	Phạm Khánh	Vy	8,415,000		8,415,000	
STT	CD24DH3				55,935,000	4,455,000	51,480,000	
93	510240190	CD24DH3	Lương Quốc	Đạt	4,455,000		4,455,000	
94	510240075	CD24DH3	Nguyễn Võ Quỳnh	Như	6,930,000		6,930,000	
95	510240118	CD24DH3	Trương Văn Hoàng	Phúc	8,415,000		8,415,000	
96	510240061	CD24DH3	Vũ Ngọc Minh	Thư	6,930,000		6,930,000	
97	510240062	CD24DH3	Nguyễn Hoàng Minh	Trí	6,930,000		6,930,000	
98	510240090	CD24DH3	Trần Thanh	Tuấn	6,930,000	4,455,000	2,475,000	
99	510240108	CD24DH3	Cao Hải	Yến	8,415,000		8,415,000	
100	510240087	CD24DH3	Nguyễn Thị Hồng	Yến	6,930,000		6,930,000	
STT	CD24KT1				51,975,000		51,975,000	
101	508240386	CD24KT1	Phan Thị Vân	Anh	8,415,000		8,415,000	
102	508240174	CD24KT1	Lê Thị Thanh	Diệu	9,900,000		9,900,000	
103	508240287	CD24KT1	Trần Ái	Mỹ	8,415,000		8,415,000	
104	508240413	CD24KT1	Nguyễn Anh	Thư	8,415,000		8,415,000	
105	508240102	CD24KT1	Trần Thị Bé Huyền	Trâm	8,415,000		8,415,000	
106	508240117	CD24KT1	Mạch Khánh	Xuân	8,415,000		8,415,000	
STT	CD24LG1				140,580,000	7,425,000	133,155,000	
107	511240247	CD24LG1	Tạ Hoài	Bảo	6,930,000	4,455,000	2,475,000	
108	511240375	CD24LG1	Tạ Huỳnh Quang	Hạ	10,395,000	2,970,000	7,425,000	
109	511240144	CD24LG1	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	8,910,000		8,910,000	
110	511240096	CD24LG1	Nguyễn Bảo	Khuyên	8,910,000		8,910,000	
111	511240199	CD24LG1	Trần Thế	Long	10,395,000		10,395,000	
112	511240398	CD24LG1	Nguyễn Trọng	Mạnh	10,395,000		10,395,000	
113	511240447	CD24LG1	Nguyễn Thị Yến	Nhi	10,395,000		10,395,000	
114	511240270	CD24LG1	Nguyễn Duy	Phú	10,395,000		10,395,000	
115	511240169	CD24LG1	Nguyễn Phước	Sang	8,910,000		8,910,000	
116	513240206	CD24LG1	Nguyễn Hữu	Thọ	10,395,000		10,395,000	
117	511240430	CD24LG1	Đặng Phước	Thông	10,395,000		10,395,000	
118	513240073	CD24LG1	Trần Thị Minh	Thư	10,395,000		10,395,000	
119	511240393	CD24LG1	Phan Nguyễn Minh	Trí	5,940,000		5,940,000	
120	511240034	CD24LG1	Nguyễn Trường	Vũ	8,910,000		8,910,000	
121	511240143	CD24LG1	Đặng Huỳnh Như	Ý	8,910,000		8,910,000	
STT	CD24LM1				47,520,000	2,970,000	44,550,000	
122	514240251	CD24LM1	Đinh Xuân	Khiêm	9,405,000		9,405,000	
123	514240004	CD24LM1	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	6,435,000		6,435,000	
124	518240022	CD24LM1	Nguyễn Hoàng	Sang	6,435,000		6,435,000	
125	514240132	CD24LM1	Vương Hoàng	Tấn	7,920,000	2,970,000	4,950,000	

STT	Mã số	Lớp học	Họ và tên		Số tiền học phí đăng ký học phần kỳ này	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền học phí nợ còn Phải nộp	Ghi chú
126	514240418	CD24LM1	Phạm Quang	Thái	7,920,000		7,920,000	
127	514240407	CD24LM1	Thái Bá Sông	Vinh	9,405,000		9,405,000	
STT	CD24MK1				71,775,000		71,775,000	
128	514240253	CD24MK1	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	6,930,000		6,930,000	
129	512240008	CD24MK1	Vũ Tùng	Dương	7,920,000		7,920,000	
130	512240009	CD24MK1	Đào Nhựt	Hưng	7,920,000		7,920,000	
131	512240010	CD24MK1	Lâm Bội	Nghi	7,920,000		7,920,000	
132	508240308	CD24MK1	Nguyễn Đỗ Yến	Nhi	7,920,000		7,920,000	
133	512240440	CD24MK1	Hồ Thị Minh	Thảo	7,920,000		7,920,000	
134	512240181	CD24MK1	Nguyễn Như Diệu	Thùy	7,920,000		7,920,000	
135	512240204	CD24MK1	Dương Văn	Tiến	7,920,000		7,920,000	
136	512240342	CD24MK1	Hồ Ngọc Thanh	Tuyền	9,405,000		9,405,000	
STT	CD24QT1				92,070,000		92,070,000	
137	507240170	CD24QT1	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	7,425,000		7,425,000	
138	507240116	CD24QT1	Nguyễn Thị	Diệu	8,910,000		8,910,000	
139	507240424	CD24QT1	Trần Đoàn Ngọc	Hằng	8,910,000		8,910,000	
140	512240208	CD24QT1	Lê Thị Thu	Huyền	8,910,000		8,910,000	
141	507240226	CD24QT1	Mai Đăng	Khoa	8,910,000		8,910,000	
142	507240328	CD24QT1	Trần Hoàng	Nam	7,425,000		7,425,000	
143	507240030	CD24QT1	Lê Duy	Phương	7,425,000		7,425,000	
144	507240029	CD24QT1	Nguyễn Trí	Thông	7,425,000		7,425,000	
145	507240179	CD24QT1	Phạm Thị Huyền	Thương	8,910,000		8,910,000	
146	507240294	CD24QT1	Lê Văn	Vũ	8,910,000		8,910,000	
147	507240310	CD24QT1	Lý Thị Kim	Vy	8,910,000		8,910,000	
STT	CD24TD1				10,890,000		10,890,000	
148	513240276	CD24TD1	Nguyễn Thị Thanh	Xuyên	10,890,000		10,890,000	
STT	CD24TM1				49,500,000		49,500,000	
149	502240012	CD24TM1	Lê Hoàng	Dũng	9,900,000		9,900,000	
150	502240137	CD24TM1	Hà Quốc	Hội	9,900,000		9,900,000	
151	502240065	CD24TM1	Hoàng Vĩnh	Khang	9,900,000		9,900,000	
152	502240284	CD24TM1	Lương Thế	Nhật	9,900,000		9,900,000	
153	501240431	CD24TM1	Trương Thiệu	Thiên	9,900,000		9,900,000	
STT	CD24TT1				66,825,000	19,800,000	47,025,000	
154	517240017	CD24TT1	Nguyễn Thị Phương	Anh	7,920,000		7,920,000	
155	501240214	CD24TT1	Phạm Tấn	Hiền	10,890,000	5,940,000	4,950,000	
156	517240152	CD24TT1	Dương Quốc	Khánh	10,890,000	9,405,000	1,485,000	
157	501240173	CD24TT1	Hoàng Đình Nhật	Nam	11,880,000		11,880,000	
158	517240145	CD24TT1	Hoàng Chí	Nhân	7,920,000		7,920,000	
159	517240078	CD24TT1	Hồ Thị Kim	Oanh	9,405,000	4,455,000	4,950,000	
160	517240222	CD24TT1	Phạm Thị Yến	Vy	7,920,000		7,920,000	
STT	CD24TW1				24,750,000		24,750,000	

STT	Mã số	Lớp học	Họ và tên	Số tiền học phí đăng ký học phần kỳ này	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền học phí nợ còn Phải nộp	Ghi chú
161	518240415	CD24TW1	Nguyễn Minh Khánh	9,405,000		9,405,000	
162	518240264	CD24TW1	Hồ Khải Kiệt	7,920,000		7,920,000	
163	518240052	CD24TW1	Dư Bảo Nhân	7,425,000		7,425,000	
			CỘNG	1,416,305,000	53,955,000	1,362,350,000	

Ngày 01 tháng 10 năm 2025

Hiệu trưởng

Kế toán trưởng

Lập bảng



Nguyễn Thị Đức Trinh

Lê Thị Thanh Nhân